

Vietnam Daily Review

Ngày thứ Hai đẫm máu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/1/2022		•	
Tuần 10/1-14/1/2022		•	
Tháng 1/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong buổi sáng, VN-Index giao dịch khá giằng co khi chỉ số tiếp cận vùng 1530-1535. Tại đây, đã có những áp lực chốt lãi khiến vùng này trở thành vùng cản khá mạnh của chỉ số. Cứ tưởng như chỉ số sẽ có một phiên yên bình để tích lũy và vượt vùng 1530 trong những phiên tiếp theo nhưng 30 chưa phải là Tết và phim hay thì cần chờ đoạn kết, sau 14h áp lực bán ồ ạt xuất hiện khiến cho người anh hùng ngành bất động sản ngã ngựa với nhiều mã mang sắc đỏ. Điều này đã kích hoạt sức ép bán mạnh khiến cho chỉ số quay xe và lao xuống vực, đóng cửa ở mức thấp nhất ngày. 18/19 ngành giảm điểm hôm nay; ngành duy nhất giữ được sắc xanh là ngành Du lịch & Giải trí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả sàn HSX và mua ròng trên HNX. Dù hôm nay thị trường giảm điểm mạnh xuống ngưỡng hỗ trợ 1500 nhưng trên quan điểm kĩ thuật VN-Index sẽ nhanh chóng đạt được điểm cân bằng trong vài phiên tới và tích lũy đủ xung lực trước khi có thể tiến về ngưỡng kháng cự 1530-1535.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên thận trọng trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/01/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa khi cổ phiếu cơ sở điều chỉnh.

Phân tích kỹ thuật: SD9_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-24.77** điểm, đóng cửa **1,503.71** điểm. HNX-Index **-10.95** điểm, đóng cửa **482.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HAV** (+0.30), **HAG** (+0.23), **VRE** (+0.13), **HNG** (+0.11), **CTG** (+0.10).
- Kéo chỉ số giảm: **GAS** (-2.71), **BCM** (-1.38), **NVL** (-1.25), **POW** (-0.84), **GVR** (-0.84).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **35,531** tỷ đồng, tăng **21.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 41,813 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 33 điểm. Thị trường có **141** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **308** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-465.19** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CII** (-223.55 tỷ), **VRE** (-87.07 tỷ), **NVL** (-60.31 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **27.59** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1503.71**
Giá trị: 35531.44 tỷ **-24.77 (-1.62%)**
Khối ngoại (ròng): -465.19 tỷ

HNX-INDEX **482.89**
Giá trị: 5231.45 tỷ **-10.95 (-2.22%)**
Khối ngoại (ròng): 27.59 tỷ

UPCOM-INDEX **114.30**
Giá trị: 2899.64 tỷ **-1.3 (-1.12%)**
Khối ngoại(ròng): 25.57 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	78.9	-0.01%
Giá vàng	1,796	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	22,682	-0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,715	-0.33%
Tỷ giá JPY/VND	19,610	0.00%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	3.42%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-9.52%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	38.5	CII	-223.6
VHM	36.1	VRE	-87.1
BCM	31.9	NVL	-60.3
STB	25.2	VNM	-35.3
GAS	19.6	VND	-29.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

SD9_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: SD9 đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ 14.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và đang tiến tới kiểm tra lại MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 15.1, chốt lãi tại ngưỡng 19.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 14.0.

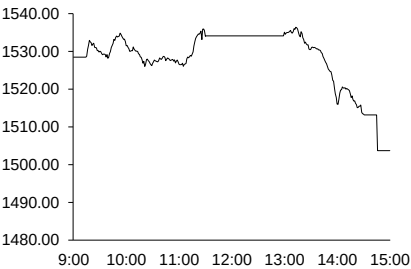
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	1.01%
Truyền thông	-0.09%
Tài nguyên Cơ bản	-0.36%
Thực phẩm và đồ uống	-0.47%
Ngân hàng	-1.22%
Bảo hiểm	-1.43%
Bất động sản	-1.45%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.63%
Công nghệ Thông tin	-1.71%
Ô tô và phụ tùng	-1.86%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.86%
Bán lẻ	-1.98%
Y tế	-2.12%
Xây dựng và Vật liệu	-2.61%
Hóa chất	-2.91%
Dầu khí	-3.21%
Dịch vụ tài chính	-3.60%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.46%
Viễn thông	-9.42%

Hình 1

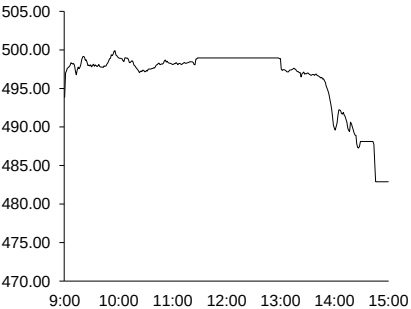
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

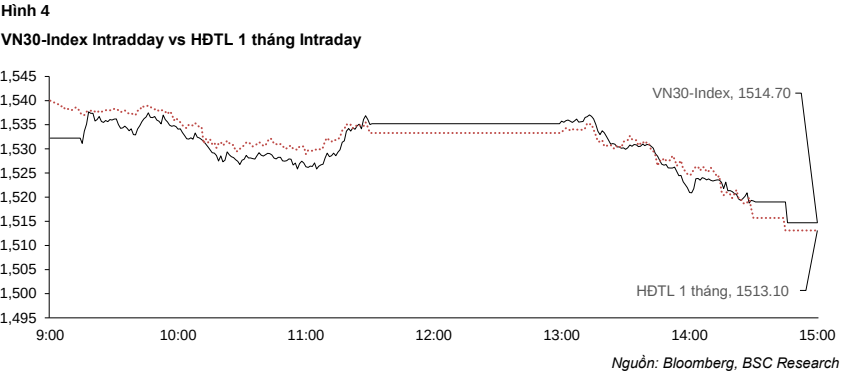
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/1/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	19.65	3	7.38%	Có thể tiếp tục mua
6/1/2022	D2D	65.3	70	60	64.9	4	-0.61%	Có thể tiếp tục mua
5/1/2022	GVR	38.4	43	37.5	37.7	5	-1.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/1/2022	HT1	23.9	28.3	22.9	23	6	-3.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/12/21	PNJ	96	110.2	90.6	93.2	10	-2.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/12/21	CTS	43	55.5	40	44.65	12	3.84%	Có thể tiếp tục mua
28/12/21	LHG	50	56.5	48	55.2	13	10.40%	Cần nhắc không mua thêm (**)
23/12/21	BSR	22.9	26	22	23.2	18	1.31%	Có thể tiếp tục mua
22/12/21	TDT	14.6	17.3	13.7	14.6	19	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/12/21	REE	69	76.5	67.5	68.1	20	-1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/12/2021	PVC	14.8	18	14	16.5	33	11.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
30/12/21	HCM	45.95	56	43.45	SL	11	-5.44%
27/12/21	TNA	15	17	16	TP	3	13.33%
24/12/21	KHB	9.8	12	8.8	SP	6	0.00%
20/12/21	TVB	26.75	32	25	SL	21	-6.54%
17/12/21	TIP	52.5	61.9	48	SL	11	-8.57%
16/12/21	DLG	8.15	10.5	7.5	TP	12	28.83%
15/12/21	SGP	37.5	44	34.2	SL	7	-8.80%
14/12/21	PET	32.8	39.5	30	TP	24	20.43%
13/12/21	GEX	40.3	48	38.3	SL	9	-4.96%
10/12/2021	CTI	22.65	27	21.5	TP	19	19.21%
9/12/2021	NT2	24	26.5	23	TP	11	10.42%
7/12/2021	POW	14.85	17.5	13.75	TP	8	17.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	5	5.41%	-2.08%	1.66%	14
Cổ phiếu đã chốt	228	157	14.52%	-7.51%	5.53%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2201	1513.10	-1.72%	-1.60	-1.9%	107,206	1/20/2022	12
VN30F2202	1516.80	-0.60%	2.10	77.3%	452	2/17/2022	40
VN30F2203	1517.00	-1.23%	2.30	79.4%	61	3/17/2022	68
VN30F2206	1516.20	-1.30%	1.50	203.8%	79	6/16/2022	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 17.54 điểm xuống 1514.7 điểm. Các cổ phiếu như TCB, SSI, NVL, MWG, FPT, MBB tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Phiên điều chỉnh hôm nay sẽ khiến VN30 tích lũy trong vùng 1500-1530 điểm trong ngắn hạn. Xu hướng vận động tiếp theo VN30 sẽ phụ thuộc khá lớn vào kết quả kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1500 điểm trong các phiên giao dịch tới.

- Các HDTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2201 giảm, các HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, HDTL VN30F2201 và VN30F2202 giảm, các HĐ còn lại tăng. Điểm số các HĐ giảm, lượng hợp đồng giảm cho thấy xu hướng dòng tiền đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư nên thận trọng trong các phiên giao dịch tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2114	5/24/2022	134	5:1	3,700	19.13%	1,690	1,670	21.90%	157	10.65	96,300	96,000	83,700
CVRE2112	3/1/2022	50	2:1	199,700	34.86%	1,400	2,270	5.58%	1,872	1.21	34,500	32,000	35,000
CVIC2108	5/4/2022	114	16:1	91,400	28.14%	1,080	1,090	4.81%	522	2.09	111,839	99,999	102,300
CHPG2119	5/24/2022	134	2:1	114,100	32.84%	1,100	2,400	0.00%	723	3.32	54,820	53,000	45,650
CVNM2113	5/4/2022	114	16:1	176,700	19.13%	2,000	590	0.00%	32	18.39	97,109	96,789	83,700
CHPG2114	4/27/2022	107	10:1	145,400	32.84%	1,500	560	0.00%	56	10.05	56,989	56,789	45,650
CTCB2105	5/4/2022	114	5:1	440,300	34.30%	1,400	2,360	0.00%	1,223	1.93	45,200	45,000	48,650
CTCB2111	4/6/2022	86	4:1	102,900	34.30%	4,000	1,160	0.00%	253	4.58	60,110	56,350	48,650
CFPT2110	3/1/2022	50	5:1	222,700	23.85%	2,000	590	0.00%	55	10.76	109,700	105,000	92,000
CMSN2107	3/14/2022	63	4.993:1	2,100	35.96%	2,000	3,100	0.00%	2,259	1.37	150,708	150,000	153,000
CTCB2106	1/19/2022	9	5:1	1,692,900	34.30%	3,000	90	0.00%	2	38.79	55,750	55,000	48,650
CTCB2110	2/4/2022	25	7:1	98,900	34.30%	3,400	370	0.00%	60	6.12	62,890	54,000	48,650
CTCB2112	7/1/2022	172	5:1	738,800	34.30%	1,500	1,100	0.00%	532	2.07	57,650	55,000	48,650
CVHM2112	2/10/2022	31	10:1	217,300	27.81%	1,000	750	0.00%	369	2.03	91,800	84,000	85,400
CVRE2105	5/4/2022	114	5:1	506,000	34.86%	6,900	1,700	0.00%	1,222	1.39	48,000	30,000	35,000
CSTB2110	4/27/2022	107	8:1	713,900	39.46%	1,940	740	0.00%	467	1.59	30,479	29,999	31,600
CMBB2104	1/19/2022	9	2:1	672,200	31.88%	1,980	80	0.00%	1	66.67	32,120	32,000	28,100
CSTB2112	5/24/2022	134	1:1	136,100	39.46%	12,900	5,200	0.00%	3,529	1.47	32,180	31,000	31,600
CMBB2109	5/4/2022	114	5:1	32,900	31.88%	2,000	610	0.00%	133	4.60	34,089	32,789	28,100
CVPB2107	3/14/2022	63	0.555:1	14,600	31.58%	1,600	2,860	-4.67%	397	7.20	41,606	74,000	34,400
Tổng			6,318,900		32.47%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/01/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa khi cổ phiếu cơ sở điều chỉnh.

- CMSN2111 và CACB2102 tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 106.38%. Giá trị giao dịch giảm xuống -19.89%. CMWG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.23% thị trường.

- CMSN2104, CVRE2109, CVRE2114, CMBB2107 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2111, CFPT2109, CVNM2107 và CTCB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2107, CMWG2104 và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VRE	35.00	0.72	0.20
VIC	102.30	0.10	0.12
PDR	93.50	0.54	0.11
CTG	33.30	0.30	0.08
VHM	85.40	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	48.7	-1.62	-1.98
NVL	83.9	-2.89	-1.84
SSI	49.6	-3.97	-1.42
VNM	83.7	-1.76	-1.36
MWG	133.0	-1.85	-1.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.0	-1.8%	0.9	4,122	5.4	6,130	21.7	5.0	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	93.2	-0.7%	1.0	921	2.2	4,214	22.1	3.8	47.4%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	54.7	-1.6%	1.5	1,765	2.1	2,473	22.1	1.9	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.8	-1.0%	0.5	487	0.8	4,211	11.4	1.5	57.0%	13.7%
VIC	Bất động sản	102.3	0.1%	0.7	16,925	13.1	1,248	82.0	3.8	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	35.0	0.7%	1.1	3,458	17.2	954	36.7	2.6	30.6%	7.4%
VHM	Bất động sản	85.4	0.0%	1.0	16,168	37.1	8,883	9.6	3.3	23.5%	40.3%
DXG	Bất động sản	37.0	-5.6%	1.3	959	23.0	1,299		2.6	27.0%	10.3%
SSI	Chứng khoán	49.6	-4.0%	1.5	2,116	38.6	2,172	22.8	3.6	38.3%	19.4%
VCI	Chứng khoán	68.0	-5.7%	1.0	985	10.2	4,165	16.3	3.6	21.0%	26.7%
HCM	Chứng khoán	43.5	-3.1%	1.5	864	9.5	2,651	16.4	3.4	41.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	92.0	-1.5%	0.9	3,630	7.6	4,443	20.7	4.9	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	70.0	0.1%	0.4	999	0.2	4,304	16.3	4.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	102.0	-5.1%	1.3	8,488	4.6	4,283	23.8	4.0	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	55.0	-2.3%	1.5	3,038	3.7	2,650	20.8	2.8	17.3%	14.2%
PVS	Dầu khí	27.7	-4.5%	1.7	576	11.3	1,186	23.4	1.1	7.7%	4.6%
BSR	Dầu khí	23.2	-4.5%	0.8	3,127	14.6	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	108.5	-5.3%	0.3	617	0.3	6,020	18.0	3.9	54.2%	22.6%
DPM	Hóa chất	43.7	-6.8%	0.8	743	15.3	4,018	10.9	1.9	9.1%	18.6%
DCM	Hóa chất	32.7	-7.0%	0.7	752	20.3	1,701	19.2	2.6	5.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	79.5	-0.4%	1.1	16,358	3.8	4,465	17.8	3.4	23.5%	20.8%
BID	Ngân hàng	38.9	-0.9%	1.4	8,545	5.5	1,947	20.0	2.4	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	33.3	0.3%	1.3	6,958	12.0	3,449	9.7	1.7	25.7%	18.6%
VPB	Ngân hàng	34.4	-0.6%	1.2	6,649	16.6	2,781	12.4	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.1	-1.7%	1.2	4,616	11.0	2,940	9.6	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.0	-0.9%	1.0	3,877	8.2	3,599	9.2	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.2	-0.3%	0.7	207	0.2	2,574	22.6	2.1	84.9%	9.1%
NTP	Nhựa	60.5	-1.6%	0.5	310	0.3	3,574	16.9	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	28.4	-1.7%	0.7	1,357	0.8	39	728.2	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.7	-0.3%	1.1	8,878	34.9	7,087	6.4	2.4	23.7%	45.6%
HSG	Thép	35.4	0.0%	1.4	758	8.1	8,458	4.2	1.6	7.8%	47.6%
VNM	Tiêu dùng	83.7	-0.1%	0.6	7,606	7.9	4,511	18.6	5.6	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	152.0	-0.8%	0.8	4,238	1.3	5,883	25.8	4.6	62.5%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	153.0	-0.6%	0.8	7,853	3.0	2,031	75.3	8.4	31.6%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	26.9	2.3%	1.2	734	14.1	1,066	25.2	2.1	6.9%	8.3%
ACV	Vận tải	86.1	-0.6%	0.8	8,149	0.2	577	149.2	5.0	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	123.8	0.0%	1.1	2,915	3.7	2,271		4.0	16.4%	7.7%
HVN	Vận tải	23.2	2.4%	1.7	2,234	3.2	(6,523)		21.5	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	46.5	-3.4%	1.0	609	2.5	1,443	32.2	2.4	40.9%	7.4%
PVT	Vận tải	24.0	-4.0%	1.3	338	4.0	2,443	9.8	1.6	12.8%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	114.7	-0.6%	0.8	798	0.6	10,231	11.2	3.9	3.8%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	55.8	-5.4%	0.4	1,088	3.6	2,122	26.3	3.8	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.0	-2.1%	0.9	382	3.5	1,212	19.0	1.6	2.6%	8.2%
CTD	Xây dựng	106.3	-6.4%	1.0	341	4.8	727	146.2	1.0	47.1%	0.7%
CII	Xây dựng	53.9	-6.9%	0.7	560	43.6	12	4551.8	2.7	13.6%	0.1%
REE	Điện	68.1	-1.7%	-1.4	915	2.6	5,541	12.3	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	38.0	-3.6%	-0.4	389	5.8	2,804	13.6	1.9	5.0%	16.5%
POW	Điện	18.8	-6.9%	0.6	1,909	27.5	1,240	15.1	1.5	2.8%	10.0%
NT2	Điện	25.0	-5.3%	0.5	313	3.8	2,063	12.1	1.8	13.8%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	59.1	-4.7%	1.1	1,464	33.1	1,706	34.6	2.2	16.3%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	70.3	-7%	1.1	3,164	3.9			4.8	2.1%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVN	23.20	2.43	0.32	3.19MLN
HAG	15.30	6.99	0.25	62.24MLN
VRE	35.00	0.72	0.15	11.06MLN
CTG	33.30	0.30	0.13	8.31MLN
HNG	13.50	3.05	0.12	40.76MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-2.79	1.00MLN	1.11MLN
BCM	-0.01	-1.43	1.15MLN	607060
NVL	0.00	-0.98	2.92MLN	373600
POW	-0.01	-0.87	31.60MLN	192700
GVR	0.00	-0.85	4.46MLN	611640

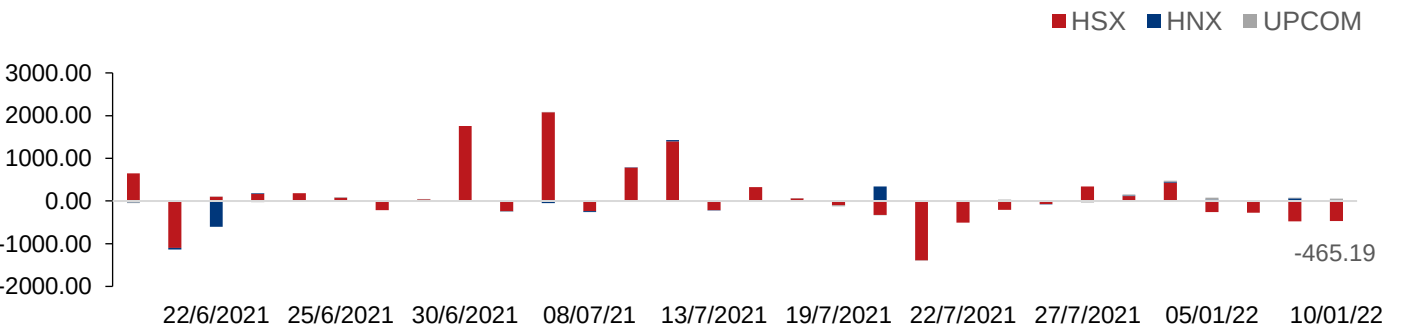
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	42.80	7.00	0.01	170200.00
LCM	10.25	6.99	0.00	1.15MLN
DC4	30.60	6.99	0.02	89700
HAG	15.30	6.99	0.25	62.24MLN
NHA	101.00	6.99	0.05	407700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCM	32.65	-6.98	-0.34	14.04MLN
CTS	44.65	-6.98	-0.10	3.20MLN
VCG	52.00	-6.98	-0.46	17.80MLN
YEG	22.00	-6.98	-0.01	1.04MLN
LDG	25.40	-6.96	-0.12	12.24MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	33.5	1,267	26.4	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.2	-909	#N/A N/A	2.3	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	83.3	-511	#N/A N/A	7.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	39.9	3,855	10.3	1.6	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	71.6	8,518	8.4	1.7	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	32.7	1,701	19.2	2.6	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	145.0	7,258	20.0	5.0	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	121.8	4,942	24.6	7.4	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	81.5	5,988	13.6	4.1	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	43.7	4,018	10.9	1.9	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.2	2,633	12.2	2.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	37.0	1,299	28.5	2.6	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	24.4	839	29.1	1.5	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	92.0	4,443	20.7	4.9	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	102.0	4,283	23.8	4.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.7	7,087	6.4	2.4	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.4	8,458	4.2	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	20.6	-1,113	#N/A N/A	1.9	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	25.1	1,655	15.2	1.2	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.8	1,251	13.4	1.2	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	54.1	1,856	29.1	3.6	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.2	6,706	8.2	1.9	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	35.0	3,858	9.1	1.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	75.8	8,024	9.4	2.5	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.0	6,130	21.7	5.0	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	36.4	9,467	3.8	1.5	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	60.7	4,331	14.0	2.6	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	25.0	2,063	12.1	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.0	2,804	13.6	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	37.1	2,201	16.9	1.9	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.2	4,214	22.1	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.2	4,214	22.1	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.8	1,240	15.1	1.5	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	68.1	5,541	12.3	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	26.9	1066.2	25.2	2.1	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	33.1	1,064	31.1	3.4	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.7	16,115	2.6	1.1	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	71.0	2,570	27.6	5.1	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	27.5	3,114	8.8	3.2	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	28.6	570	50.2	2.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	63.5	4,475	14.2	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	83.7	4,511	18.6	5.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	35.0	954	36.7	2.6	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.7	3306.9	12.9	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.6	1,559	18.3	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	70.5	3,256	21.7	6.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639